

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực: Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106811174 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2015 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 10 năm 2022 Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

Địa chỉ: Tầng 24, tòa nhà TASCOT, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 34/2/163 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0915026297 - Email: lasxd400@gmail.com

Website: www.kiemdinhxaydunghn.com

Mã số thuế: 0106811174

Giám đốc: **Nguyễn Trung Tuyền**

2. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (danh mục kèm theo công bố này)

3. Danh mục thiết bị thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (danh mục kèm theo công bố này)

4. Danh mục thí nghiệm viên (danh mục kèm theo công bố này)

5. Nội dung Quyết định này được công bố tại :

(Wed:www.kiemdinhxaydunghn.com)

Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Hà Nội cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Web; www.kiemdinhxaydunghn.com/congbonangluc
- SXD thành phố Hà Nội

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM
ĐỊNH XÂY DỰNG HÀ NỘI**



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Tuyên

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
(Kèm theo quyết định số: 01.0804/2026/QĐ-CBNL ngày 08 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Hà Nội)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 13605:2023 ASTM C430 ASTM C188 ASTM C204 AASHTO T153 ASHTO T192
2	Xác định cường độ uốn , nén	TCVN 6016:2011 TCVN 7569:2022 TCVN 9488:2012 ASTM C109/109M
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và ổn định thể tích, xác định khả năng giữ nước, đông rắn nhanh	TCVN 6017:2015 ASTM C187 ASTM C191 AASHTO T131 TCVN 9202:2012 TCVN 9488:2012
II	BỘT BÃ	
4	Độ mịn, thời gian đông kết, độ giữ nước, độ cứng bề mặt, cường độ bám dính	TCVN 7239:2014
III	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông, độ chảy	TCVN 3106:2022 TCVN 12209:2018
6	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3115:2022 TCVN 3108:1993
7	Xác định thành phần của hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
8	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022
9	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022 ASTM C157 AASHTO T160
10	Xác định giới hạn bền khi nén, cường độ chịu kéo khi uốn, cường độ chịu kéo khi bẻ bê tông	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M AASHTO T22M/T22 EN 12390-3 TCVN 3119 : 2022 ASTM C293/C293M TCVN 3120:2022
11	Thiết kế cấp phối bê tông, thiết kế cấp phối vữa	TCVN 9382:2012 TCVN 13536:2022 TCVN 5574:18 Chỉ dẫn TPCP QĐ 778/1998/QĐ-BXD; TCVN 3118:2022 TCVN 4459:87; TCVN 3121-11:2022; TCVN 9029:2017; TCVN 9030:2017
IV	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
	DẶM	
12	Thành phần cỡ hạt, hàm lượng hạt	TCVN 7572-02:2006 TCVN 6221:1997 TCVN 9205:2012 AASHTO T11
13	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước, của cốt liệu nhỏ, cốt liệu lớn và đá gốc	TCVN 7572-04:2006 TCVN 7572-05:2006 AASHTO T85
14	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-06:2006 ASTM C29
15	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-07:2006 ASTM C70
16	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-08:2006 ASTM C142 AASHTO TI 12
17	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40/C40M AASHTO T21
18	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938
19	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
20	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles)	TCVN 7572-12:2006 ASTM C535 AASHTO T96
21	Xác định hàm lượng hạt thoi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM D4791-2023 BS EN 933-3-2012 BS EN 933-4-2008 BS EN 933-5-1998 BS 812- part 105.1-1989
22	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006 AASHTOT112
23	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ, độ góc cạnh	TCVN 7572-18:2006
24	Xác định độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích của đá	TCVN 10321:2014 TCVN 10322:2014
V	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP VỮA	
25	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 ASTM C109/C109M
26	Vữa khô trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước, cường độ nén, chiều cao cột vữa, thay đổi chiều dài vữa đóng rắn	TCVN 9204:2012 ASTM C940
VI	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI	
27	Xác định dung sai kích thước, khối lượng	TCVN 7571:2019 TCVN 9737:2013 JIS G3192:21 ASTM A53/53M:23 ASTM A500/A500M-23 BS EN 10255:2004 JIS G3466:21 JISG3302:19 ASTM A312:24 ASTM A240:2025

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
28	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 TCVN 7937:2013 TCVN 13711-2:2023 TCVN 12513-1:2018 TCVN 10952:2015 ASTM A1061 ASTM A370 ASTM A53 ASTM B557 JIS Z2241 TCVN 8310:2010 TCVN 8311:2010 TCVN 6368:1998 TCVN 11243:2016 ASTM E8 TCVN 314:2008
29	Thử uốn, uốn lại	TCVN 198:2008 ASTM A370 JIS Z2248- 2022 TCVN 7937:2013 TCVN 6287:1997 TCVN 6288:1997 TCVN 5401:2010
30	Kiểm tra kích thước khuyết tật bu lông, vít, vít cấy, đai ốc: Thử kéo, lực cắt, lực xiết	TCVN 1916:1995 TCVN 10865-3:2015 TCVN 197:2014 TCVN 4795:1989 TCVN 4796:1989 TCVN 8298:2009 ASTM A370 ASTM F606/F606-21 ASTM E488/E488M-22
31	Xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 5408:2007 ASTM A123
32	Thí nghiệm cơ lý nhôm, và hợp kim nhôm: xác định kích thước, thử kéo, độ giãn dài	TCXDVN 330:2004 ASTM B557 TCVN12513:2018
VII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐÁP, CÁP PHÔI ĐÁ DẪM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT	
33	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012 ASTM D854 AASHTO T100
34	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216 AASHTO T265
35	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024 TCVN 14134-3:2024 TCVN 4198:2014 AASHTO T88
36	Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm, đầm nén Proctor	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020 AASHTO T99 AASHTO T180

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
37	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012 ASTM D7263
38	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020 22TCN332-06 AASHTO T193
39	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
VIII	BÊ TÔNG NHỰA	
40	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall của bê tông nhựa	TCVN 8860-1:2011 ASTM D6927 AASHTO T245
41	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm của bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164 ASTM D2172
42	Xác định thành phần hạt của bê tông nhựa, hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075 mm xác định bằng phương pháp rửa	TCVN 8860-3:2011 AASHTO T27 AASHTO T11 ASTM C136/C136M
43	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; AASHTO T209
44	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011 ASTM D2726 AASHTO T166 AASHTO T275
45	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-6:2011 ASTM 6390 AASHTO T305
46	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 13567-1:2022 TCVN 8860-8:2011
47	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2011 AASHTO T269 ASTM D3203
48	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2011
IX	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
49	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích tại hiện trường, trong phòng thí nghiệm	TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 12790:2020
50	Xác định độ chặt đầm nén hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020 22TCN 02:1971 ASTM D2937 AASHTOT204
51	Xác định độ chặt đầm nén hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8730:2012 22TCN 346:06 ASTM D1556 AASHTOT191
52	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM 4429
53	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
54	Xác định độ nhám mặt đường	TCVN 8866:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
55	Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén, xác định khuyết tật bê tông - bê tông cốt thép	TCVN 13536:2022 TCVN 13537:2022
56	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
57	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012 TCVN 9358:2012
58	Xác định độ đồng nhất bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012
59	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12; ASTM D1143
60	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan mẫu	TCVN 12252:2020 TCXDVN 239:2006 ASTM C42
X	GẠCH XÂY	
61	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009
62	Cường độ nén, uốn của gạch xây	TCVN 6355-2-3:2009
63	Độ hút nước, khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-4-5:2009
64	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355-6:2009
XI	GẠCH BÊ TÔNG, BÊ TÔNG TỰ CHÈN, BÊ TÔNG NHẹ	
65	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước, độ thấm nước, độ rỗng.	TCVN 6477:2016
66	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước, độ mài mòn.	TCVN 6476:1999
67	Sản phẩm bê tông nhẹ: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, khối lượng thể tích, độ co khô, độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7959:2017 TCVN 9030:2017
68	Gạch xi măng, granito: Xác định kích thước, ngoại quan, độ hút nước, mài mòn, uốn, chịu lực va đập, độ cứng	TCVN 6065:1995 TCVN 6074:1995
69	Gạch Terazo: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, uốn, hút nước, mài mòn	TCVN 7744:2013
XII	GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT	
70	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6415-2:2016. TCVN 13113:2020
71	Xác định độ hút nước, khối lượng riêng và khối lượng thể tích, độ bền uốn	TCVN 6415-3-4:2016. TCVN 13113:2020
72	Xác định độ bền mài mòn sâu, mài mòn bề mặt	TCVN 6415-6-7:2016. TCVN 13113:2020
73	Đá ốp lát tự nhiên: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ bền uốn-nén, độ hút nước, độ mài mòn bề mặt, khối lượng thể tích	TCVN 4732:2016 ASTM C170
XIII	THỬ NGHIỆM KÍNH	
74	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018 TCVN 7527:2005 TCVN 7528:2005 TCVN 7529:2005 TCVN 7364-6:2018 TCVN 8260:2009
75	Thử độ bền va đập bi rơi, va đập con lắc, thử phá mẫu	TCVN 7364-4:2018 TCVN 7368:2013 TCVN 7455:2013

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
XIV	GỖ TỰ NHIÊN, GỖ NHÂN TẠO	
76	Xác định kích thước	TCVN 7490:2005 TCVN 5692:2014 TCVN 10576:2014 TCVN 11904:2017 TCVN 11945-1:2018 TCVN 7961:2018
77	Xác định độ hút nước, độ ẩm	TCVN 13707-1:2023 TCVN 11905:2017 TCVN 7961:2018
78	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 13707-2:2023 TCVN 5694: 2014
79	Xác định độ bền uốn tĩnh – môđun đàn hồi uốn tĩnh	TCVN 13707-3-4:2023 TCVN 12446:2018
80	Xác định độ bền nén vuông góc - nén song song với thớ	TCVN 13707-5-17:2023
81	Xác định độ bền kéo song song - kéo vuông góc với thớ	TCVN 13707-6-7:2023
XV	ỐNG NHỰA	
82	Xác định dung sai kích thước	TCVN 6145:2007 TCVN 11821:2017
XVI	KHUNG XƯƠNG	
83	Xác định dung sai kích thước, chiều dày lớp phủ	TCVN 5408-2007

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
(Kèm theo quyết định số: 15.0804/2026/QĐ-CBNL ngày 08 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Hà Nội)

1. Phương tiện đo lường

1	Phạm vi đo cấp chính xác	Xuất xứ	Số lượng
Máy ép bê tông - Model: TYE-2000	2000 KN	Trung Quốc	1
Máy thử độ bền kéo, nén, uốn - Model: WA-1000D	1000 KN	Trung Quốc	1
Máy nén CBR 50KN	0-:-50kN	Việt Nam	1
Máy ép Marshall 30KN	0-:-30kN	Việt Nam	1
Cung lực 30 KN, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm	0-:-30kN	Trung Quốc	1

Súng bắn bê tông	$0 \div 70 \text{ N/mm}^2$	Trung Quốc	1
Cân điện tử 15kg x 0.5g - Hãng OHAUS (Mỹ) Khả năng: $15\text{kg} \pm 0.5\text{g}$	15Kg	Trung Quốc	1
Cân điện tử 30kg x 1g - Hãng OHAUS (Mỹ) Khả năng : $30\text{kg} \pm 1\text{g}$	30Kg	Trung Quốc	1
Cân điện tử 6kg x 0.1g - Hãng OHAUS (Mỹ) Khả năng : $6\text{kg} \pm 0.1\text{g}$	6Kg	Trung Quốc	1
Cân kỹ thuật 2100g x 0,01- Hãng OHAUS (Mỹ) Model: PA 2102	2100g	Trung Quốc	1
Đồng hồ so 50x0,01mm	50x0,01mm	Trung Quốc	1
Kích thủy lực	300 tấn	Trung Quốc	1

2. Các trang thiết bị khác

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Số lượng
1	Máy trộn bê tông 200L – Trộn cưỡng bức	Việt Nam	1
2	Máy mài mòn Los Angeles	Việt Nam	1
3	Bộ sàng D300 các kích cỡ từ $0.075 \div 75 \text{ mm}$	Trung Quốc	1
4	Bộ khuôn tạo mẫu lập phương 15x15x15	Việt Nam	1
5	Bộ khuôn tạo mẫu trụ 15x30	Việt Nam	1
6	Máy khoan lấy mẫu bê tông - Động cơ HONDA 5,5HP	Việt Nam	1
7	Máy xác định độ thấm bê tông - Model: HS-4 (HS-40).	TQ	1
8	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX	Việt Nam	1
9	Bộ dụng cụ Vicát - TQ	Trung Quốc	1
10	Bàn dằn vữa xi măng -Kèm khâu chuẩn và thước kẹp TQ 200 mm	Việt Nam	1
11	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	Việt Nam	1
12	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	Việt Nam	1
13	Bộ gá uốn mẫu gạch xây tiêu chuẩn	Việt Nam	1
14	Bộ khuôn CBR tiêu chuẩn	Việt Nam	1
15	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất	Việt Nam	1
16	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande	Việt Nam	1
17	Chày, Cối Proctor tiêu chuẩn	Việt Nam	1
18	Chày, Cối Proctor cải tiến	Việt Nam	1

19	Bộ thiết bị giãn dài nhựa	Việt Nam	1
20	Bộ thiết bị kim lún nhựa	Việt Nam	1
21	Bộ thiết bị hoá mềm nhựa	Việt Nam	1
22	Máy ly tâm tách nhựa 3000g Khối lượng mẫu max: 3000g	Việt Nam	1
23	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay	Việt Nam	1
24	Bể ổn nhiệt marshall 32 lít	Việt Nam	1
25	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa (theo TCVN 8860-4 : 2011)	Việt Nam	1
26	Bộ dao vòng lấy mẫu đất. Bao gồm: Chày, Thanh dẫn, Gá dao vòng, 3 lưỡi dao, hộp đựng bằng gỗ.	Việt Nam	1
27	Phễu rót cát hiện trường Kèm: Bình cát chuẩn bằng thép, tấm dung trọng hiện trường, 3 gìm, thùng gỗ.	Việt Nam	1
28	Thước phẳng 3m, kèm 2 ke đo độ võng, loại 2 đoạn.	Việt Nam	1
29	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát.	Việt Nam	1
30	Máy đo điện trở đất 4105A	Thái Lan	1
31	Tủ sấy 300C, dung tích 136lít; Model: 101-2; đồng hồ chỉ kim	Trung Quốc	1
32	Lò nung 1000C; Model: 4-10	TQ	1
33	Rọ cân thủy tinh 200x200	Việt Nam	1
34	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng)	Việt Nam	1
35	Bình hút ẩm D240mm, bằng thủy tinh	Trung Quốc	1
36	Máy đo chiều dày lớp phủ	Trung Quốc	1
37	Thước kẹp 200mm	Việt Nam	1
38	Bình hút chân không D240mm, thủy tinh	Việt Nam	1
39	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đóng)	Việt Nam	1
40	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đóng)	Việt Nam	1
41	Thùng dung trọng 3 lít (Hộc đóng)	Việt Nam	1
42	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đóng)	Việt Nam	1
43	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đóng)	Việt Nam	1
44	Thùng dung trọng 15 lít (Hộc đóng)	Việt Nam	1
45	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	Việt Nam	1
46	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	Việt Nam	1
47	Bộ xác định đương lượng cát Bao gồm: Hộp gỗ, 4 ống mẫu chuẩn, dụng cụ xác định.	Việt Nam	1
48	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150		1
49	Đồng hồ đo áp suất. Hệ thống bơm và kích thủy lực		1
50	Thiết bị xác định độ chống thấm của bê tông		1
51	Tủ dưỡng hộ mẫu xi măng		1

52	Các thiết bị văn phòng khác		
----	-----------------------------------	--	--

DANH MỤC THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định số: 01.0804/2026/QĐ-CBNL ngày 08 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Hà Nội)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Công việc thực hiện	Ghi chú
1	Nguyễn Trung Tuyển	Giám đốc	Giám đốc công ty. - Điều hành mọi công việc liên quan đến phòng thí nghiệm. - Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng.	
2	Hoàng Văn Long	Trưởng phòng	Trưởng phòng thí nghiệm. - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
3	Nguyễn Văn Quốc Tuấn	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
4	Trần Đức Vinh	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
5	Phan Thị Hường	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
6	Trần Tiến Dũng	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm.	

			- Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
7	Lại Thế Thế	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
8	Phạm Như Thuận	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
9	Phạm Quang Huy	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
10	Nguyễn Văn Hải	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
11	Nguyễn Văn Chính	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
12	Phan Văn Tuấn	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
13	Trần Văn Tuấn	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	